



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA
TÂN ĐẠI HƯNG**

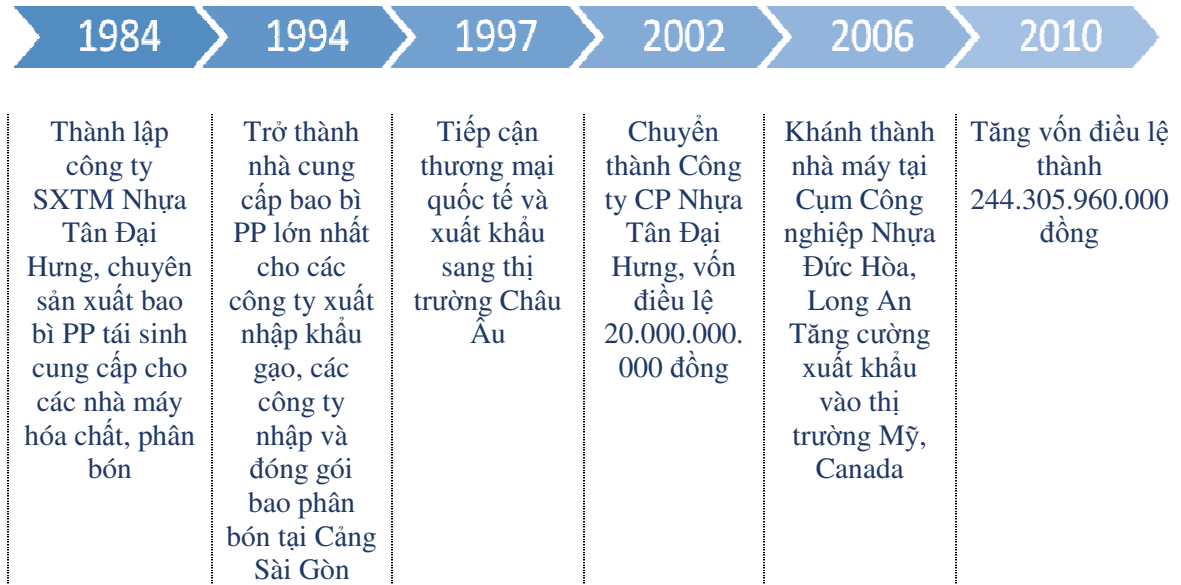
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014



MỤC LỤC

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	2
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014.....	3
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2015	4
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	7
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014.....	10
GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014.....	14
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	15
CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	15
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	19
THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	22
THÔNG TIN KHÁC.....	25

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH NIÊM YẾT

- **Từ ngày 28/11/2007:** công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng chính thức giao dịch 10,400,000 cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM, theo quyết định số: 149/QĐ-SGDCK ngày 20/11/2007.
- **Từ ngày 30/09/2008:** niêm yết bổ sung 10,146,000 cổ phiếu theo quyết định số 107/QĐ-SGDHCM ngày 30/09/2008.
- **Từ ngày 20/08/2010:** niêm yết bổ sung 3.884.596 cổ phiếu thường theo quyết định số 167/QĐ-SGDHCM của Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ chí Minh ngày 11/08/2010.
- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông.
- **Mã chứng khoán:** TPC.
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu.
- **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 24,430,596 cổ phiếu
 - ✓ **Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 21,268,956 cổ phiếu
 - ✓ **Số lượng cổ phiếu quỹ:** 3.161.640 cổ phiếu

CÁC SỰ KIỆN KHÁC

- **Từ năm 2003:** áp dụng hệ thống ISO 9001:2000, nâng cấp thành ISO 9001:2008 từ năm 2009.
- **Năm 2006:** đầu tư thành lập công ty TNHH TĐH là nhà máy của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng.
- **Năm 2007:** được tổ chức TZU của Châu Âu đánh giá cấp “**Chứng nhận đạt các yêu cầu về kiểm soát sản xuất tại nhà máy**”.
- **Từ năm 2009:** áp dụng hệ thống **Bộ luật ứng xử “BSCI”** (tương tự SA 8000) và **Hệ thống quản lý vật liệu an toàn “MSDS”**, được các khách hàng tổ chức đánh giá công nhận đạt các yêu cầu.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Trong năm 2014, tình hình thế giới có nhiều bất ổn ở nhiều khu vực và trải rộng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến thương mại toàn cầu.

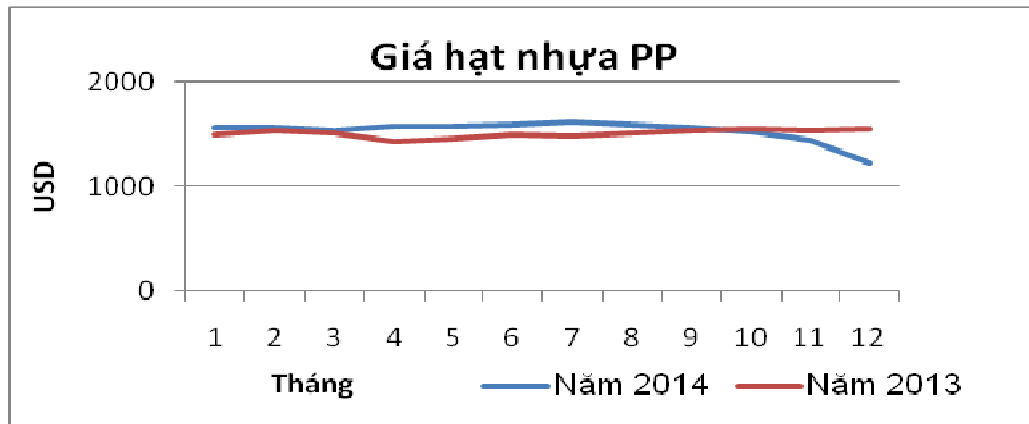
Kinh tế Châu Âu vẫn chưa thoát khỏi gánh nặng nợ công sau nhiều giải pháp của chính phủ các nước. Tuy các nền kinh tế mạnh như Đức và Anh vẫn duy trì tăng trưởng ổn định, các nước phía Nam như Pháp và Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp vẫn là gánh nặng cho kinh tế khu vực; GDP toàn vùng dùng đồng Euro chỉ tăng khoảng 0,8%. Kinh tế không phát triển, kéo đời sống xã hội tụt xuống, khiến nhiều nơi phải bóp chặt chi tiêu, tăng các khoản thuế, nạn thất nghiệp có nơi lên tới 10%, gây ra nhiều cuộc biểu tình phản đối lôi kéo hàng ngàn người tham gia, gây mất ổn định chính trị.

Nền kinh tế Mỹ tuy đã có nhiều dấu hiệu hồi phục và dần đi vào ổn định. Tuy nhiên quan hệ Mỹ - Nga phát sinh nhiều căng thẳng dẫn đến các phản ứng gây ảnh hưởng chung đến kinh tế thế giới. Bất ổn chính trị tại Ukraine, sự tham gia của Mỹ và các nước Châu Âu là những tác nhân chính trị gây ảnh hưởng bất thường đến thị trường dầu hỏa. Giá dầu hỏa lao dốc từ 100 USD/ thùng vào tháng 7/2014 xuống còn 55 USD/ thùng vào cuối tháng 12/2014. Do nhựa là một sản phẩm từ dầu hỏa nên giá nhựa trong năm 2014 đã giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm trở lại đây.

Ở trong nước, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa trong nước tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp...

❖ Tình hình giá nguyên liệu :

Tháng	Giá PP bình quân (usd/tấn)						So sánh 2014/2013	
	Năm 2014			Năm 2013			BQ Quý	BQ Năm
	BQ Tháng Năm 2014	BQ Quý	BQ Năm	BQ Tháng Năm 2013	BQ Quý	BQ Năm		
1	1,565	1,552	1,529	1,489	1,509	1,504	2.85%	2%
2	1,557			1,537				
3	1,533			1,500				
4	1,577	1,583		1,426	1,456			
5	1,579			1,454				
6	1,592			1,489				
7	1,612	1,585		1,483	1,508			
8	1,584			1,507				
9	1,558			1,533				
10	1,522	1,397		1,540	1,542		-9.40%	
11	1,443			1,535				
12	1,226			1,551				



KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2014

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Kế hoạch 2014	Thực hiện	% Đạt
01	Sản lượng bao bì	9,700 tấn	10,926 tấn	112.4%
02	Doanh thu	477 tỷ đồng	576 tỷ đồng	120.7%
03	Lợi nhuận sau thuế	17 tỷ đồng	11,73 tỷ đồng	69%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2015

DỰ BÁO NGẮN HẠN VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

- Sự kiện giá hạt nhựa giảm mạnh vào cuối năm 2014 đã ảnh hưởng đến giá bán đầu năm 2015. Giá dầu thế giới dự báo sẽ ít giao động hơn năm 2014, tuy nhiên vẫn giữ ở mức thấp ít nhất đến Quý 2/ 2015. Do đó ảnh hưởng từ giá bán giảm có thể sẽ ảnh hưởng đến doanh thu của công ty trong 6 tháng đầu năm 2015.
- Xu hướng của các doanh nghiệp xuất khẩu là tập trung vào những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, hiện đại hóa dây chuyền công nghệ, chú trọng vào những sản phẩm thân thiện với môi trường, an toàn với sức khỏe tiêu dùng, đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Thị trường Châu Âu và Mỹ tiếp tục có nhiều chuyển biến để thúc đẩy sự phát triển.
- Áp lực tăng chi phí đầu vào vẫn đè nặng lên các doanh nghiệp khi giá điện, xăng dầu tăng.
- Các doanh nghiệp có sức cạnh tranh kém sẽ tiếp tục bị đào thải.

MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Phát triển thị phần tại các thị trường quen thuộc và tìm kiếm khách hàng ở các thị trường mới. Nghiên cứu các xu hướng và sản phẩm mới.
- Có kế hoạch phát triển nhân sự lâu dài, theo hai hướng: nâng cao năng lực nhân sự nòng cốt và đào tạo đội ngũ kế thừa.
- Phân tích các chi phí không hợp lý nhằm đề ra các biện pháp tiết giảm.
- Chủ động tiếp cận công nghệ mới, cải tiến máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giảm tỷ lệ phế và tăng tính cạnh tranh của công ty.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

1. Về hoạt động kinh doanh & cung ứng/gia công:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng. Trong đó ưu tiên xuất khẩu
- Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả

- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng => Thông qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.
- 2. Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:**
- a) **Công nghệ:**
- Tăng cường phân tích sản phẩm cạnh tranh, tạo thêm nhiều mẫu mới có giá trị gia tăng cao
 - Tận dụng các nguyên liệu, phụ gia tồn kho và đảm bảo các PXSX sử dụng đúng mã số, cấp chất lượng.
 - Đánh giá máy móc thiết bị toàn công ty: Sợi, dệt, tráng, cắt, in và cải tiến phù hợp với năng suất, tính năng của sản phẩm
- b) **Quản lý chất lượng:**
- Cải tiến thông tin thông kê làm cơ sở cho BGD đánh giá hoạt động SX các bộ phận.
 - Cơ cấu toàn bộ mô hình QA, nhiệm vụ, tiêu chí đánh giá.
- c) **Cơ điện:**
- Tuân thủ thực hiện đúng kế hoạch BTSC ban hành, Giám sát đánh giá kết quả BTSC của các phân xưởng. Giảm số lần xảy ra sự cố phát sinh hư hỏng do BTSC kém
 - Giải quyết kịp thời nhanh nhất những hư hỏng phát sinh MMTB để kịp SX không ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng mà nguyên nhân do MMTB
 - Quản lý, kiểm soát VTKT hiệu quả
 - Quản lý kiểm soát sử dụng các nguồn năng lượng : Điện – Nước hiệu quả
 - Quản lý về an toàn trong quá trình sử dụng.
 - Thực hiện tốt và duy trì các giải pháp tiết kiệm.
- 3. Về sản xuất:**
- Tuân thủ Quy trình sản xuất Ban giám đốc ban hành & hệ thống ISO.
 - Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
 - Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng.
 - Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật.
 - Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy.
 - Tiết kiệm điện và nhiên liệu.
 - Giảm phế liệu phế phẩm.
 - Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
- 4. Về HCNS:**
- Tuyển dụng: Đáp ứng yêu cầu sản xuất kịp thời và giảm tỷ lệ nghỉ việc.
 - An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp: (1) xây dựng hướng dẫn thao tác làm việc an toàn đối với từng nhóm máy cụ thể, (2) cải thiện máy móc thiết bị để đảm bảo an toàn.
 - An ninh trật tự: Tiếp tục cải tiến hệ thống phòng chống trộm cắp.
- 5. Về tài chính kế toán:**
- Kiểm soát công nợ và dự báo nợ. Phát hiện và xử lý kịp thời các khoản nợ quá hạn . Không để xảy ra trường hợp nợ xấu phát sinh trong năm.
 - Tăng cường kiểm tra và kiểm soát chi phí. Hỗ trợ các phòng ban phân tích mức tăng giảm chi phí của từng phân xưởng nhằm tiết giảm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận.
 - Kiểm tra việc tuân thủ quy trình xuất nhập kho, lưu trữ chứng từ sổ sách để đảm bảo không bị sai sót hoặc thất thoát.
 - Theo dõi các khoản đầu tư, tích cực tìm kiếm lợi nhuận tài chính khác. Đảm bảo dòng tiền chi trả cho các khoản nợ phải trả, nợ vay...Đáp ứng kịp tiến độ thanh toán.
 - Theo dõi giám sát chặt chẽ hàng tồn kho & phối hợp các Bộ phận khác để có hướng xử lý kịp thời.

CHỈ TIÊU NĂM 2015

STT	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2015
01	Sản lượng bao bì	10,000 tấn
02	Doanh thu	480 tỷ đồng
03	Lợi nhuận sau thuế	10 tỷ đồng
04	Cổ tức	5.0%

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2015

Chỉ Tiêu	Sản lượng	Doanh Thu	Doanh Thu	Lợi Nhuận
<i>Tỷ Giá: 21.458đ/usd</i>	<i>đvt: tấn</i>	<i>đvt: (usd)</i>	<i>đvt: 1.000đ</i>	<i>đvt: 1.000đ</i>
Tổng cộng trị giá Kế hoạch	10,000	22,369,280	480,000,000	10,000,000
Sản Lượng Nội Địa	2,800	5,079,030	108,985,815	1,000,000
Sản Lượng Xuất Khẩu	7,200	17,290,250	371,014,185	8,000,000
Tổng cộng Lợi nhuận từ HĐSX				9,000,000
Tổng cộng LN từ HĐ khác				1,000,000
Tổng lợi nhuận trước thuế				10,000,000
Tỷ suất lợi nhuận / CP				5.0%

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VỐN NĂM 2015

(đvt: VNĐ)

* Sử dụng hoạt động SXKD	250,000,000,000
* Sử dụng đầu tư ngắn hạn	80,000,000,000
* Sử dụng đầu tư dài hạn	-
* Sử dụng đầu tư BDS dài hạn	10,000,000,000
* Trả cổ tức cổ đông	10.634.478.000
Tổng Cộng	350.634.478.000

Trong đó

Đơn vị Đầu tư	Nội dung đầu tư	Tiền đầu tư
Ngân hàng EXIMBank	Cổ phiếu	11,300,000,000
Cty CP Đầu tư Xây dựng Tân Đô	Kinh doanh khu CN & Nhà ở	1,500,000,000
Cty CP Đầu tư và DV Hạ tầng Á Châu	Kinh doanh dịch vụ Cảng	10,000,000,000
Đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất kd		10,000,000,000

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2014:

- Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã có những định hướng đúng, tập trung lãnh đạo và giám sát toàn diện tổ chức hoạt động của công ty, động viên và hỗ trợ tối đa cho bộ máy điều hành, cùng với việc phát huy được tinh thần chủ động, đoàn kết trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân nòng cốt, chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần, là những nhân tố quyết định làm cho tổ chức công ty vẫn ổn định, phát triển.
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 đạt những kết quả:
 - ✓ Tổng sản lượng đạt hơn 10,926 tấn.
 - ✓ Tổng doanh thu: 576 tỷ.
 - ✓ Tỷ trọng xuất khẩu đạt 74%.
 - ✓ Tổng lợi nhuận sau thuế 11,73 tỷ đồng.
- Tuy không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, công ty vẫn có thị phần ổn định, và có tiềm năng phát triển ở một số thị trường mới.
- Tài sản và nguồn vốn của công ty được bảo đảm, tình hình tài chính luôn lành mạnh.

QUẢN TRỊ RỦI RO:

Trong năm 2014, công ty đã hết sức chú trọng thực hiện các biện pháp phòng chống rủi ro, bao gồm:

- Theo dõi tình hình kinh tế và các chính sách vĩ mô tại các khu vực của khách hàng xuất khẩu, liên hệ thông tin hai chiều thường xuyên với các khách hàng.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ bán hàng, thường xuyên đánh giá khả năng thanh toán của các khách hàng qua việc đặt hàng và chi trả.
- Thực hiện Bảo hiểm cho tất cả hàng hóa; kiểm soát quá trình xuất nhập giao hàng và vận chuyển.
- Xây dựng lại định mức tồn kho, đảm bảo được sự ổn định cho sản xuất và nguồn vốn được sử dụng hiệu quả.
- Theo dõi chính sách kinh tế, tình hình tỷ giá tại Việt Nam để sử dụng nguồn USD có lợi nhất.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- Với những lợi thế về qui mô và khả năng tài chính, đang có một lượng khách hàng truyền thống & then chốt và khá ổn định, Thương hiệu của công ty được tin cậy cùng với cùng với khả năng cạnh tranh của công ty trên cả hai thị trường nội địa và xuất khẩu là những cơ sở và thời cơ để công ty Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng tiếp tục phát triển vững - mạnh mặc dù thị trường đang có những biến động khó lường và cạnh tranh khốc liệt.
- HĐQT sẽ tập trung vào một số hoạt động có tính đột phá trong thời gian tới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty như sau:
 - Đầu tư đổi mới dần các loại máy móc thiết bị sản xuất mới để tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng.
 - Mở rộng quan hệ, tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các dự án dài hạn khác để tăng hiệu quả sử dụng vốn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu	2013	2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
* Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.37	1.72
* Hệ số thanh toán nhanh	1.68	1.09
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
* Hệ số nợ / tổng tài sản	0.52	0.53
* Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1.09	1.12
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
* Vòng quay hàng tồn kho	4.3	4.03
* Doanh thu thuần trên tổng tài sản	1.06	1.14
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu	3.35%	1.58%
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	7.40%	3.83%
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	3.55%	1.80%
* Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh / doanh thu thuần	3.36%	1.58%

TÓM TẮT GIÁ TRỊ SỔ SÁCH NGÀY 31/12/2014

	Số đầu năm	Số cuối năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	592,786,152,044	475,159,600,755
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	21,014,250,213	77,305,028,820
<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	123,500,000,000	102,200,000,000
<i>Các khoản phải thu</i>	269,073,823,974	104,945,632,936
<i>Hàng tồn kho</i>	170,894,704,572	172,609,246,883
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	8,303,373,285	18,099,692,116
TÀI SẢN DÀI HẠN	67,133,129,139	174,937.166.023
<i>Tài sản cố định</i>	44,216,907,058	42.249.774.887
<i>Bất động sản đầu tư</i>	0	0
<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	22,035,061,600	29.920.640.549
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	881,160,481	112.766.750.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	659,919,281,183	650,096,766,778
NỢ PHẢI TRẢ	343,542,177,727	343,492,334,703
<i>Nợ ngắn hạn</i>	250,413,586,252	276,667,241,883
<i>Nợ dài hạn</i>	93,128,591,475	66,825,092,820
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	316,377,103,455	306,604,432,075
<i>Vốn chủ sở hữu</i>	316,377,103,455	306,604,432,075
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	659,919,281,183	650,096,766,778

TÓM TẮT CÁC CHỈ SỐ

Chỉ tiêu-chỉ số	2013	2014
Tổng Tài Sản		
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản (%)	89.83%	73.09%
Tài sản Dài hạn/Tổng Tài Sản (%)	10.17%	26.91%
Nợ phải trả		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	89.83%	52.84%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	10.17%	47.16%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	108.59%	112.03%
Tỷ số khả năng thanh toán		
Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	1.68	1.09
Tỷ số khả năng thanh toán = tiền mặt	0.08	0.28
Tỷ Số Lợi nhuận		
Tỷ Số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)	3.36	1.58
Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	3.55	1.81
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	7.41	3.83
Tỷ Số Lợi nhuận/ Toàn bộ vốn SXKD	2.5	1.43
Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	1102	551

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014

Tổng sản lượng (XK+NĐ) năm 2014: Đạt 10,926 tấn, tăng 6.4% so với năm 2013, trong đó:

- Tổng Sản lượng XK năm 2014: 7,112.8 tấn, tăng 9.9% so với năm 2013
- Tổng Sản lượng NĐ năm 2014: 3,813.2 tấn, tăng 0.3% so với năm 2013

Tổng Doanh thu (XK+NĐ) năm 2014: Đạt 480 tỷ, tăng 20,7% so với năm 2013, , trong đó:

- Tổng Doanh thu XK năm 2014: Đạt 425 tỷ, tăng 9.0% so với năm 2013
- Tổng Doanh thu NĐ năm 2014: Đạt 151 tỷ, tăng 15.4% so với năm 2013

Tỷ trọng Xuất Khẩu / Nội Địa năm 2014

	2013		2014	
	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa
Sản lượng	63%	38%	65.1%	34.9%
Doanh thu	75%	25%	73.79%	26.21%

Nhận định tình hình: Tuy doanh thu và sản lượng đều vượt so với kế hoạch và cao hơn năm 2013, các chi phí như nhân công (lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội), điện, thuế nhập khẩu... tăng cùng với các nguồn lợi nhuận khác giảm là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lợi nhuận giảm so với năm 2013 và không đạt mục tiêu đề ra (chi tiết trong phần Báo cáo tài chính).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Đã được kiểm toán bởi CôngTy Kiểm Toán và Tư Vấn A&C- Tất cả Báo cáo tài chính2014 đã kiểm toán và chứng thư kiểm toán, gồm báo cáo “hợp nhất” và báo cáo của công ty “mẹ”, các báo cáo thuyết minh đều được tải lên và lưu trữ tại website công ty)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014					
				Đơn vị tính: VND	
	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		475,159,600,754	592,786,152,044
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	77,305,028,820	21,014,250,213
1.	Tiền	111		22,305,028,820	16,014,250,213
2.	Các khoản tương đương tiền	112		55,000,000,000	5,000,000,000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		102,200,000,000	123,500,000,000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	102,200,000,000	123,500,000,000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		104,945,632,936	269,073,823,974
1.	Phải thu của khách hàng	131	V.3	101,527,392,739	219,767,041,544
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	2,668,818,245	45,077,735,734
5.	Các khoản phải thu khác	138	V.5	3,764,672,214	6,849,758,901
6.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(3,015,250,262)	(2,620,712,205)
IV.	Hàng tồn kho	140		172,609,246,882	170,894,704,572
1.	Hàng tồn kho	141	V.7	172,609,246,882	170,894,704,572
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		18,099,692,116	8,303,373,285
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	325,595,926	581,902,670
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14,768,406,019	6,364,695,135
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.18	1,536,985,369	96,763,655
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,468,704,802	1,260,011,825
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174,937,166,023	67,133,129,139
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		42,249,774,887	44,216,907,058
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	42,249,774,887	44,216,907,058
	<i>Nguyên giá</i>	222		102,687,964,453	95,758,399,950
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60,438,189,566)	(51,541,492,892)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		164,800,000	164,800,000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(164,800,000)	(164,800,000)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19,920,640,549	22,035,061,600
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	24,400,198,949	34,944,447,615
4.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.12	(4,479,558,400)	(12,909,386,015)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		112,766,750,587	881,160,481
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	112,766,750,587	727,075,418
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	154,085,063
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		650,096,766,777	659,919,281,183

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		343,492,334,703	343,542,177,727
I.	Nợ ngắn hạn	310		276,667,241,883	250,413,586,252
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	220,091,651,395	197,943,913,238
2.	Phải trả cho người bán	312	V.16	32,630,338,353	29,731,588,484
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.17	3,889,501,466	4,949,418,346
4.	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.18	3,492,920,284	1,345,060,857
5.	Phải trả người lao động	315	V.19	5,645,462,782	7,206,455,501
6.	Chi phí phải trả	316	V.20	724,707,714	1,352,134,614
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	10,192,659,889	7,885,015,212
II.	Nợ dài hạn	320		66,825,092,820	93,128,591,475
4.	Vay và nợ dài hạn	324	V.22	66,825,092,820	93,128,591,475
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306,604,432,074	316,377,103,456
I.	Vốn chủ sở hữu	410		306,604,432,074	316,377,103,456
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	244,305,960,000	244,305,960,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	86,242,518,451	86,242,518,451
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.23	(40,632,476,860)	(40,632,476,860)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.23	16,688,430,483	26,461,101,865
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		650,096,766,777	659,919,281,183
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT					
CHỈ TIÊU			Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5.	Ngoại tệ các loại:				
	Dollar Mỹ (USD)			753,799.72	432,237.55
	Euro (EUR)			20.87	20.87
6.	Dự toán chi phí hoạt động			-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2014

					Đơn vị tính: VND
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	741,823,616,311	698,251,639,484
2.	Các khoản giảm trừ	03	VI.1	-	320,349,587
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	741,823,616,311	697,931,289,897
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	692,996,899,516	639,475,943,264
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48,826,716,795	58,455,346,633
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12,544,764,817	7,922,588,711
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	14,827,653,243	16,696,944,413
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,887,015,784	11,338,453,309
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	14,161,478,382	14,886,415,684
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	18,862,432,300	16,629,817,985
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,519,917,687	18,164,757,262
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	1,586,026,377	10,243,732,544
12.	Chi phí khác	32	VI.8	1,865,435,316	410,603,089
13.	Lợi nhuận khác	40		(279,408,939)	9,833,129,455
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty				
	liên kết, liên doanh	45		-	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,240,508,748	27,997,886,717
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	1,352,958,859	4,546,135,249
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	154,085,063	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11,733,464,826	23,451,751,468
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		11,733,464,826	23,451,751,468
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	552	1,103

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014 (Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND					
	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		13,240,508,748	27,997,886,717
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	9,397,049,147	8,587,620,218
-	Các khoản dự phòng	03	V.6, 12	(8,035,289,558)	2,899,314,135
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	1,420,952,317	1,702,053,214
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, 4, 7, 8	995,792,315	(6,476,483,143)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	10,887,015,784	11,338,453,309
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		27,906,028,753	46,048,844,450
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		31,844,034,005	(130,633,058,763)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,714,542,310)	(23,709,390,097)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		124,562,328,667	109,061,031,857
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(111,783,368,425)	(814,418,031)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	V.20; VI.4	(10,922,591,684)	(10,745,729,926)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(3,245,880,089)	(4,659,767,465)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		56,646,008,917	(15,452,487,975)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(7,997,343,503)	(6,786,585,000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	VI.7	941,270,000	322,000,000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(172,400,000,000)	(303,800,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		193,700,000,000	204,300,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2,100,000,000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2,712,259,721	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	9,203,212,843	7,837,583,939
	<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		26,159,399,061	(100,227,001,061)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	354,090,295,415	328,177,483,160
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15	(360,043,770,729)	(273,288,399,717)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.23	(20,662,100,000)	(29,776,538,400)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(26,615,575,314)	25,112,545,043
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		56,189,832,664	(90,566,943,993)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21,014,250,213	111,581,303,792
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		100,945,943	(109,586)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	77,305,028,820	21,014,250,213


GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP:

Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công Ty Kiểm Toán và Tư Vấn A&C

Chứng thư (báo cáo) kiểm toán:



**BAKER TILLY
A&C**
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0300/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng (công ty mẹ) và Công ty TNHH TDH (công ty con) (gọi chung là Tập đoàn) được lập ngày 13 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần nhựa Tân Đại Hưng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.


Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.




Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM ĐỘC LẬP
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1



Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2015



BAKER TILLY
INTERNATIONAL

5

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng, Báo cáo tài chính năm 2014 của công ty, đã được kiểm toán độc lập và công bố thông tin theo quy định hiện hành.

Để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã tiến hành giám sát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 của công ty với các nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014.
- Kiểm định báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2014.
- Giám sát, theo dõi và đôn đốc BGD thực hiện các kế hoạch của HĐQT yêu cầu.

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát

- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị công ty, tham gia đóng góp ý kiến những vấn đề có liên quan được thảo luận trong cuộc họp.
- Xem xét các báo cáo sơ kết 6 tháng, Báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh cả năm. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm 2014 trước và sau kiểm toán.
- Kiểm tra giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ của Cty, quy chế nội bộ Cty, Nghị quyết, quyết định của HĐQT và BGD trong việc quản lý và điều hành Cty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014

- Năm 2014 kinh tế thế giới hồi phục, kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn và thử thách. Tuy nhiên, vào giai đoạn cuối năm, tình hình giá dầu trên thế giới giảm mạnh, khiến giá hạt nhựa giảm. Đây là một yếu tố khách quan mà Cty không lường trước được.
- Về Báo cáo tài chính năm 2014 của công ty : Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán A&C. Báo cáo này phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty. Báo cáo được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan .
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế, các khoản chi phí, khoản trích dự phòng, được ghi nhận đúng theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Ban kiểm soát đã thẩm tra báo cáo tài chính, qua đó thống nhất kết quả kiểm toán năm 2014 và đồng ý với các đánh giá hoạt động tài chính của công ty đã nêu trong báo cáo kiểm toán.

Tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của năm 2014 đạt được như sau:

ĐVT : tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH
1	Sản lượng bao bì (tấn)	9,700 tấn	10,926 tấn	112,4%
2	Doanh thu	477 tỷ	576 tỷ	120,7%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17 tỷ	11.73 tỷ	69.02%

4. Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Cty đến cuối năm 2014 như sau:

Kết quả kinh doanh 2014

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ +/-
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	741,823,616,311	698,251,639,484	6%
2	Các khoản giảm trừ	-	320,349,587	
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	741,823,616,311	697,931,289,897	6%
4	Giá vốn hàng bán	692,966,899,516	639,475,943,264	8%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	48,856,716,795	58,455,346,633	-16%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	12,544,764,817	7,922,588,711	58%
7	Chi phí tài chính	14,827,653,243	16,696,944,413	-11%
8	Trong đó : Chi phí lãi vay	10,887,015,784	11,338,453,309	-4%
9	Chi phí bán hàng	14,161,478,382	14,886,415,684	-5%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18,862,432,300	16,629,817,985	13%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	13,519,917,687	18,164,757,262	-26%
12	Thu nhập khác	1,586,026,377	10,243,732,544	-85%
13	Chi phí khác	1,865,435,316	410,603,089	354%
14	Lợi nhuận khác	(279,408,939)	9,833,129,455	-103%
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13,240,508,748	27,997,886,717	-53%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,352,958,859	4,546,135,249	-70%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	154,085,063	-	
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,733,464,826	23,451,751,468	-50%
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	552	1,103	-50%

Bảng cân đối kế toán 2014

	TÀI SẢN	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tỷ lệ +/-
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	475,159,600,754	592,786,152,044	-20%
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	77,305,028,820	21,014,250,213	268%
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	102,200,000,000	123,500,000,000	-17%

III.	Các khoản phải thu	104,945,632,936	269,073,823,974	-61%
IV.	Hàng tồn kho	172,609,246,882	170,894,704,572	1%
V.	Tài sản ngắn hạn khác	18,099,692,116	8,303,373,285	118%
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	174,937,166,023	67,133,129,139	161%
II.	Tài sản cố định	42,249,774,887	44,216,907,058	-4%
III.	Bất động sản đầu tư	-	-	
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	19,920,640,549	22,035,061,600	-10%
V.	Tài sản dài hạn khác	112,766,750,587	881,160,481	12698%
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	650,096,766,777	659,919,281,183	-1%

	NGUỒN VỐN	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tỷ lệ +/-
A -	NỢ PHẢI TRẢ	343,492,334,703	343,542,177,727	0%
I.	Nợ ngắn hạn	276,667,241,883	250,413,586,252	10%
II.	Nợ dài hạn	66,825,092,820	93,128,591,475	-28%
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	306,604,432,074	316,377,103,456	-3%
I.	Vốn chủ sở hữu	306,604,432,074	316,377,103,456	-3%
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	650,096,766,777	659,919,281,183	-1%

5. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc công ty

5.1. Đối với Hội đồng quản trị

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền hạn được quy định theo điều lệ Cty và Quy chế làm việc của HĐQT.
- HĐQT chỉ đạo kịp thời cho Ban Giám đốc công ty, điều hành hoạt động theo đúng định hướng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ công ty.
- Thực hiện công bố thông tin công ty kịp thời, đúng thời gian quy định.

5.2. Hoạt động điều hành của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Cty và thực hiện đúng các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT.
- Ban Giám đốc thường xuyên họp và báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và đề xuất ý kiến với HĐQT.
- Ban Giám đốc công ty trong năm 2014 đã cải tiến nhiều biện pháp như sắp đặt lại vị trí các phân xưởng hợp lý hơn, phân loại chất lượng Sợi nặng nhẹ theo màu sắc để dễ nhận dạng, cải tiến quy trình quản lý PX In, chuyển đổi phương pháp thuê gia công Vải,... giúp hoạt động của công ty được thuận lợi và hiệu quả.

6. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

- Công ty đã thực hiện việc trả thù lao cho Ban kiểm soát theo mức chi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua.

7. Kiến nghị của Ban Kiểm soát :

- Trong bối cảnh Cty hiện nay, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần thúc đẩy nhanh việc đầu tư mở rộng phân xưởng Dệt nhằm tăng sản lượng Dệt, giảm chi phí gia công, góp phần tăng thêm lợi nhuận cho năm 2015.
- Ban Giám đốc cần cơ cấu lại quy trình tác nghiệp của từng nhóm sản phẩm để tăng cường khả năng quản lý, giảm tỷ lệ phế, tăng năng suất lao động, giảm chi phí tồn kho.
- Tìm kiếm thêm các khách hàng mới nhằm khai thác hết công suất máy của nhóm hàng Bao lưới, Vải địa kỹ thuật, Bao Jumbo...
- Lựa chọn và thay thế dần các máy móc thiết bị cũ, năng suất thấp. Mua sắm các máy móc thiết bị mới nhằm sản xuất ra các sản phẩm có năng suất cao, chất lượng tốt.
- Nghiên cứu và tìm kiếm nguồn hạt nhựa PP tái sinh chất lượng tốt, giá thấp nhằm tăng lợi thế cạnh tranh.

8. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015

- Bám sát các chỉ tiêu trong Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, để có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện theo quy định.
- Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức xem xét và kiểm tra các báo cáo tài chính quý, sáu tháng và cả năm của Công ty.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và BGD Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

LÂM NGUYỄN QUỐC NGHĨA

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

1. **Tổ chức, Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng:** Không

2. **Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng nắm giữ:**

Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng đang sở hữu 100% vốn điều lệ 45 tỷ của “Công ty TNHH TĐH”, GCNĐKKD số: 5002000837 do Sở KHĐT Tỉnh Long An cấp ngày 22/05/2006, địa chỉ: Lô C11-C15 Cụm Công Nghiệp Nhựa Đức Hòa, Long An. Đây là nhà máy và kho hàng của Công ty CP nhựa Tân Đại Hưng.

3. **Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:**

3.1. **Các dự án đầu tư:**

- Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng đã tham gia góp vốn vào các công ty:
 - Góp 1,0 tỷ vào vốn hoạt động của Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Tân Đô.
 - Góp 10 tỷ (10% vốn) thành lập Công ty CP Đầu tư xây dựng và dịch vụ hạ tầng Á Châu, kinh doanh cảng ICD và kho bãi Tân Cảng Cái Mép và 2 KCN tại tỉnh BRVT.
 - Các dự án này vẫn trong giai đoạn đầu tư, chưa sinh lợi (và đang gặp khó khăn do tình hình chung của thị trường đầu tư Bất động sản).
 - Góp 2,1 tỷ thành lập Công ty CP Thuận Đức (chuyên tái sinh bao bì nhựa).
- Trong năm 2014, việc chuyển nhượng sang tên bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất được mua từ năm 2011 của Công ty TNHH Đại Hưng chưa thực hiện được thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Để đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và không có biến động, Cty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng đã thuê dài hạn, và sử dụng tài sản này để đảm bảo hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Á Châu. Cty TNHH Đại Hưng đã cam kết sẽ nhanh chóng hoàn tất các thủ tục để có thể chuyển nhượng cho Cty Tân Đại Hưng theo đúng quy định của pháp luật.
- Trong năm đã đầu tư thêm 8,26 tỷ đồng cho máy móc thiết bị mới đồng thời thanh lý 1,33 tỷ máy móc thiết bị cũ.

3.2. **Các khoản đầu tư cổ phiếu và đầu tư khác đến năm báo cáo tài chính 31 tháng 12 năm 2014 được thể hiện như sau:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		12,300,198,949		22,844,447,615
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	198,949	3	198,949
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	532,847	11,300,000,000	532,847	11,300,000,000
Công ty cổ phần văn hóa Tân Bình	-	-	193,976	10,544,248,666
Công ty cổ phần đầu tư cơ sở hạ tầng Tân Đô	100,000	1,000,000,000	100,000	1,000,000,000
Đầu tư vào đơn vị khác		12,100,000,000		10,000,000,000
Công ty cổ phần dịch vụ đầu tư hạ tầng Á Châu	-	10,000,000,000	-	10,000,000,000
Công Ty Cổ Phần Thuận Đức		2,100,000,000		2,100,000,000
Cộng		24,400,198,949		34,944,447,615

3.3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

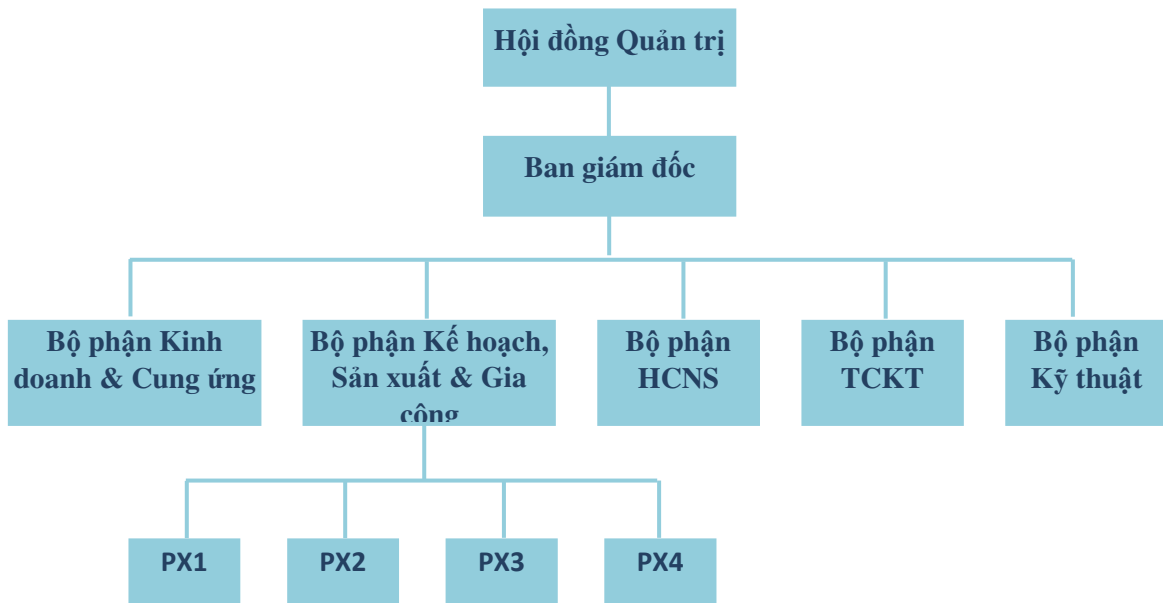
<input type="checkbox"/> Số đầu năm	- 12,909,386,015
<input type="checkbox"/> Hoàn nhập dự phòng	8,429,827,615
<input type="checkbox"/> Số cuối năm	<u>-4,479,558,400</u>

3.4. Trong năm 2014 thanh lý Cổ Phiếu ALTA, sau khi hoàn nhập dự phòng, lợi nhuận thu được 374,547,721 đồng và đã nhận cổ tức từ các khoản đầu tư cổ phiếu khác được thể hiện như sau:

Đơn vị Đầu tư	Nội dung đầu tư	Tiền đầu tư	Cổ tức nhận được
Ngân hàng EXIMBank	Cổ phiếu	11,300,000,000	213,138,800
Cộng			213.138.800

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC:



2. SỐ LƯỢNG CBNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

2.1. Cơ cấu nguồn nhân lực công ty tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Năm	TS Lao động (31/12)			Trình độ							Thời gian làm việc (năm)					
	Cộng	Nam	Nữ	CI	CII	CIII	TC	CD	ĐH	>ĐH	< 01	1 đến 3	> 3 đến 5	> 5 đến 9	> 10 năm	
2012	728	59.1%	40.9%	6.5%	58.9%	23.8%	3.8%	2.1%	4.5%	0.4%	23.4%	31.9%	9.1%	18.1%	17.6%	
2013	742	62.5%	37.5%	7.1%	57.8%	22.8%	11.3%	1.8%	5.8%	0.4%	24.4%	21.7%	15.2%	20.9.1%	17.8%	
2014	BGD	18	14	4				2	1	12	3		3		2	13
	QL SX & KTSX	64	53	11	1	29	22	2	6	4		4	11	9	10	30
	NV NV& KT	95	62	33	3	20	19	21	12	20		7	27	11	30	20
	CN SX	525	314	211	50	348	123	3	1			110	191	74	80	70
	Cộng	702	443	259	54	397	164	28	20	36	3	121	232	94	122	133
	Tỷ trọng	%	63.11	36.89	7.69	56.55	23.36	3.99	2.85	5.8	0.43	17.24	33.05	13.39	17.4	18.9

2.2. Cơ cấu lao động cuối năm 2014 như sau:

- Cán bộ quản lý điều hành: = 12%
- Nhân viên nghiệp vụ kỹ thuật: = 14%
- CN trực tiếp sản xuất: = 75%

2.3. Chính sách đãi ngộ đối với người lao động:

- Duy trì đầy đủ các chính sách đãi ngộ đối với người lao động (Lương tháng 13, thưởng thâm niên, thưởng thành tích ABC, thưởng sáng kiến, tặng quà tất cả dịp lễ tết, đãi thọ suất ăn giữa ca, trích đóng thay các khoản bảo hiểm, bố trí ở tại khu lưu trú miễn phí, xe đưa đón, tham quan nghỉ mát hàng năm và khám sức khỏe định kỳ...).
- Thu nhập trực tiếp của CBNV tăng 11% so với 2013 (Do cải tiến chính sách áp dụng 1 đơn giá sản phẩm), tiền thưởng cuối năm tăng 6.9% so với 2013, tổng thu nhập người lao động tăng 11.58% so với 2013.

3. TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY:

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh trong BGD	Ngày bổ nhiệm
1	Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐH K/Té	Tổng Giám Đốc	30/05/2013
2	Phạm Văn Mạo	Nam	1963	TC H/chính	Phó tổng giám đốc	01/06/2013
3	Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐH K/Té	Phó tổng giám đốc	19/10/2013
4	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐH TCKT	GD Tài chính	11/08/2007
5	Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐH K/Té	GD Sản xuất & Gia công	11/08/2007

4. THAY ĐỔI NHÂN SỰ TRONG BAN GIÁM ĐỐC:

- Công ty cố gắng duy trì sự ổn định trong Ban Giám Đốc. Trong năm 2014 không có sự thay đổi lớn nào về trong nhân sự cấp cao

5. CHÍNH SÁCH ĐÃ NGỘ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC:

- Tiền lương và chế độ thu nhập của BGD công ty được thực hiện theo thỏa thuận trực tiếp giữa HĐQT với từng cá nhân khi tuyển dụng và bổ nhiệm, phù hợp với các qui định chung và trách nhiệm được giao, đáp ứng sự cạnh tranh nhân lực cấp trung cao.
- Các thành viên trong BGD đều không vay nợ của công ty và không cho công ty vay, không ký kết các hợp đồng kinh tế với công ty.

6. SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA BGD CÔNG TY:

TT	Họ và tên	Chức danh	TSCP sở hữu	Tỷ lệ /TSCP
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Tổng Giám Đốc	896,700	4,22%
2	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó tổng giám đốc	104,000	0,49%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	GĐTC& Kế toán trưởng	127,160	0,59%
4	Ông Phạm Văn Mạo	Phó tổng giám đốc	35,000	0,16%
5	Ông Trần Hữu Vinh	GĐ.SX&GC	7.000	0,03%

- *Giao dịch cổ phiếu TPC của BGD trong năm 2014.*

Trong năm 2014, Ông Trần hữu Vinh là Giám đốc SX&GC có giao dịch bán 25.400 cổ phiếu.

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1.1. Tóm tắt Lý lịch cá nhân của HĐQT và BKS:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	Nữ	1989	ĐH K/Tế	CT HĐQT	30/05/2013	Tổng Giám Đốc
2	Ông Nguyễn Văn Hùng	Nam	1952	ĐH K/Tế	Phó CT HĐQT	30/05/2013	Thường trực
3	Ông Phạm Văn Mạo	Nam	1963	TC H/chính	T/v HĐQT	01/06/2013	Phó tổng GĐ
4	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Nữ	1974	ĐH K/Tế	Phó CT HĐQT	19/10/2013	Phó tổng GĐ
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1962	ĐHTC KT	T/v HĐQT	06/04/2012	GĐ Tài Chính
6	Ông Trần Hữu Vinh	Nam	1977	ĐH KTế	T/v HĐQT	06/04/2012	GĐ SX & GC
7	Ông Huỳnh Thanh Tuấn	Nam	1969	ĐH H.chất	T/v HĐQT	06/04/2012	Thànhviên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Trình độ	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ghi chú
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Nam	1976	Cao Học	Trưởng BKS	06/04/2012	
2	Bà Đào Thanh Tuyền	Nữ	1973	Cao Học	Ủy viên BKS	06/04/2012	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Nữ	1978	ĐH N.T	Ủy viên BKS	06/04/2012	

1.2. Những thay đổi nhân sự của HĐQT và BKS: không

1.3. Thù lao và quyền lợi của thành viên HĐQT và BKS:

- Thù lao, các khoản lợi ích và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo quyết nghị của Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên 2014 là:
 - Hội Đồng Quản Trị: thù lao cho Hoạt động của HĐQT mỗi quý là 20.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 07 thành viên HĐQT trong năm 2014 là 560 triệu đồng.
 - Ban Kiểm soát: thù lao cho hoạt động ban kiểm soát mỗi quý là 15.000.000 đồng/người, tổng chi phí thù lao cho 03 thành viên BKS trong năm 2014 là 180 triệu đồng.
 - Tổng thù lao của HĐQT và BKS năm 2014 là 740 triệu đồng.
- Không có giao dịch kinh doanh trực tiếp từ những cá nhân trong HĐQT và BKS với công ty, giao dịch kinh doanh từ tổ chức nơi họ làm việc với công ty được thực hiện minh bạch, đúng pháp luật và hợp đồng kinh tế; không có xung đột lợi ích giữa cá nhân HĐQT và BKS hoặc tổ chức nơi họ làm việc với công ty.

1.4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và BKS (đến 03/04/2015):

TT	Họ và tên	Chức danh	Số SP sở hữu	Tỷ lệ (%)
HĐQT				
1	Bà Phạm Đỗ Diễm Hương	CT.HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	896,700	4,22%
2	Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó CT.HĐQT	26,400	0.12%
3	Bà Tôn Thị Hồng Minh	Phó CTHĐQT & Phó tổng GD.	104,000	0.49%
4	Ông Phạm Văn Mẹo	Phó Tổng giám đốc	35,000	0.16%
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	GĐTC. Kiểm Kế toán trưởng	127.160	0.59%
6	Ông Huỳnh Thanh Tuấn	Thành Viên HĐQT	120,000	0.56%
7	Ông Trần Hữu Vinh	GĐ.KHSX	7.000	0.03%
BKS				
1	Ông Lâm Nguyễn Quốc Nghĩa	Trưởng BKS	2.050	0.009%
2	Bà Nguyễn Thị Hồng Cúc	Ủy viên BKS	24,000	0.112%
3	Bà Đào Thanh Tuyền	Ủy viên BKS	33,600	0.158%

Giao dịch của “Cổ đông nội bộ” trong năm 2014:

Tổ chức /người giao dịch	Chức danh	SLCP trước GD	Kết quả		SLCP sau GD
			Mua	Bán	
Ông Trần Hữu Vinh	GĐSX&GC	32.400	25.400	7.000	

Giao dịch của “Người có liên quan” trong năm 2014: không

2. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT:

2.1. Tóm lược hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong năm 2014:

1. HĐQT đã tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2014 vào ngày 09/05/2014 đúng các qui định nhà nước, điều lệ công ty và đạt các mục đích yêu cầu đề ra
2. Trong năm qua, HĐQT đã triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, tập trung vào một số hạng mục:
 - Nhận định, dự báo và định hướng hoạt động công ty trong từng quý, tháng.
 - Xác lập lại định mức sản lượng & thực hiện tính lương SP một đơn giá cho tất cả công nhân sản xuất (kích thích tăng năng suất lao động); quyết định thanh lý và đầu tư mới 1 số máy móc thiết bị.
 - Quyết định một số chính sách tài chính đối với một số cơ sở gia công dựa trên khả năng tài chính của công ty nhằm hỗ trợ phát triển và thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai bên.
 - Hoàn tất chi trả cổ tức năm 2013 theo nghị quyết ĐHĐCĐ.
3. Do Công ty TNHH Đại Hưng (*bên bán*) chưa hoàn tất thủ tục quyền sử dụng đất, vì vậy, Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng (*bên mua*) phải ký hợp đồng thuê dài hạn và dùng tài sản này để đảm bảo hạn mức tín dụng vay tại NH ACB.
4. Quy chế quản trị công ty, qui chế công bố thông tin được HĐQT thực hiện nghiêm túc, tuân thủ đúng chế độ báo cáo đến các cơ quan thẩm quyền. Các thành viên HĐQT và BKS thể hiện đầy đủ chức trách nhiệm vụ đúng theo điều lệ, nắm vững tình hình, giám sát hiệu quả.
5. Trong năm 2014 HĐQT đã thanh lý hết cổ phiếu ALT và sẽ xem xét thanh lý cổ phiếu EIB tại thời điểm thích hợp.
6. HĐQT cũng đã xem xét và quyết định tiếp tục duy trì đầu tư tại Công ty CP Đầu tư và DV Hạ tầng Á Châu (*kinh doanh xây dựng dịch vụ cảng Cái Mép*).

2.2. Tổ chức của Hội Đồng Quản Trị:

- HĐQT công ty không có tiểu ban. Chủ tịch HĐQT điều hành hoạt động của HĐQT đúng theo điều lệ, qui chế, các mục tiêu chương trình đã được ĐHĐCĐ và HĐQT quyết định.
- Các thành viên độc lập trong HĐQT (*cũng như tất cả các thành viên HĐQT và BKS*) đều được chia sẻ đầy đủ kịp thời các thông tin nội bộ; sâu sát nắm vững tình hình; phát huy vai trò tư vấn, tham gia trong hoạch định, quyết định các chủ trương kế hoạch và giám sát các hoạt động của công ty, thể hiện đầy đủ vai trò và trách nhiệm đúng theo điều lệ công ty.

2.3. Tóm lược hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2014:

- Ban kiểm soát hoạt động độc lập do Trưởng BKS điều hành, duy trì đầy đủ chế độ hội họp định kỳ, thực hiện đúng trách nhiệm quyền hạn.
- Quan hệ giữa Ban kiểm soát/kiểm soát viên với HĐQT cũng như với tất cả tổ chức và hoạt động của công ty được thực hiện đúng theo điều lệ và qui chế quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát đều được HĐQT mời tham dự (*dự thính*) tất cả các cuộc họp định kỳ của HĐQT để trực tiếp nêu ý kiến và góp ý cho HĐQT trước khi quyết định các chủ trương quyết sách và mục tiêu kế hoạch quý/năm và các kế hoạch dự án của công ty.

2.4. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả quản trị công ty trong thời gian tới:

- Chủ Tịch HĐQT, cùng với Các thành viên HĐQT đồng tâm ủng hộ những cải tiến quản trị điều hành Công ty.
- Phát huy hơn nữa vai trò của Ban kiểm soát trong giám sát tổ chức hoạt động của công ty.
- Tăng cường quan hệ cổ đông đúng theo điều lệ, qui chế công ty và qui định của nhà nước.
- Phát huy những lợi thế, tìm kiếm cơ hội đầu tư trong phạm vi sở trường của công ty.

2.5. Số lượng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- HĐQT: Có 6/7 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BKS: Có 3/3 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
- BGD: Có 4/5 thành viên đã có những chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

3. CÁC DỮ LIỆU THÔNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

3.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông:

(Theo CV số 422//2015-TPC/VSD-ĐK do TTLKCK - TPHCM ký ngày 08/04/2015)

		TS người sở hữu		TS CK sở hữu		TS quyền phân bổ	
		Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Đã lưu ký	Chưa lưu ký
Trong nước	Cá nhân	904	23	6.356.716	11,220,350	6.356.716	11,220,350
	Tổ chức	16	3	740.072	2,543,016	740.072	2,543,016
	Cổ phiếu quỹ	1	-	3,161,640	-	3,161,640	-
	Cộng trong nước	921	26	7,096,788	13,763,366	7,096,788	13,763,366
Nước ngoài	Cá nhân	19	-	394.552	-	394.552	-
	Tổ chức	3	-	14.250	-	14.250	-
	Cộng nước ngoài	22	-	408,802	-	408,802	-
Tổng cộng	Cá nhân	923	23	6.751.268	11,220,350	6.751.268	11,220,350
	Tổ chức	19	3	754.322	2,543,016	754.322	2,543,016
	Cổ phiếu quỹ	1	-	3,161,640	-	3,161,640	-
	Tổng cộng chung	943	26	10,667,230	13,763,366	10,667,230	13,763,366

3.2 Các cổ đông lớn của công ty:

TT	Tên cổ đông	Quốc tịch	TSCP sở hữu	% Sở hữu/TSCP
1	Lê Thị Mỹ Hạnh	Viet Nam	3,382,590	15.9%
2	Phạm Trung Cang	Viet Nam	3,223,220	15.2%

3.3 Tình hình giao dịch liên quan của các "Cổ đông lớn": không giao dịch

THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN:

- Quan điểm của Công ty là không sử dụng hoạt động từ thiện để quảng cáo hay PR cho công ty.
- Trong năm 2014, đã tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện (với mức độ khác nhau): chăm sóc trẻ em nghèo do Hiệp Hội Nhựa Việt Nam tổ chức, các cuộc vận động của địa phương (xây nhà tình thương, ủng hộ chăm lo Tết giáp ngọ 2014 cho người nghèo).

2. NHỮNG HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Công ty thu gom và tái chế và sử dụng lại 100% phế liệu phế phẩm, không xả nước thải vào môi trường, hệ thống thoát nước sinh hoạt được thu gom chung vào hệ thống của cụm công nghiệp, tất cả chất thải rắn khác đều được công ty thu gom, tập trung và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý (kể cả tại khu lưu trữ). Kết quả kiểm tra của các cơ quan chức năng tại nhà máy trong năm 2014 đã thừa nhận những hoạt động trên của công ty.

Công Ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng, ngày 09 /04 /2015

